

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH | | | | |
|--|------------------------------------|--|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| I | Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | | |
| 1 | | Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng | <ul style="list-style-type: none">- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.- Cơ quan phối hợp: Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |
| 2 | | Chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư | <ul style="list-style-type: none">- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.- Cơ quan phối hợp: Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH MỚI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|--|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 3 | | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |
| 4 | | Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 5 | | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 6 | | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý | Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | |
| 7 | | Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng | Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | |
| 8 | | Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH MỜI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|--|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 9 | | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có). | |
| 10 | | Tách thửa hoặc hợp thửa đất | Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | |
| 11 | | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) UBND cấp xã; (3) Cơ quan thuế (nếu có). | |
| 12 | | Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) UBND cấp xã. | |
| 13 | | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có). | |
| 14 | | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp | (1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh; (2) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai. | |
| 15 | | Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | (1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh; (2) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai. | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH MỜI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|---|--|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 16 | | <p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản</p> | <p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) UBND cấp xã; (3) Cơ quan thuế (nếu có).</p> | |
| 17 | | <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên</p> | <p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có).</p> | |
| 18 | | <p>Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu</p> | <p>(1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có).</p> | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH MỞI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|--|--------------------------|--|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 19 | | Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có). |
| 20 | | Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền | | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có). |
| 21 | | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất | | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh; (3) Cơ quan thuế (nếu có). |
| 22 | | Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký | | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có). |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------------------------|---|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 23 | | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) UBND cấp xã; (3) Cơ quan thuế (nếu có). | |
| 24 | | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp | Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | |
| 25 | | Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp | Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai | |
| 26 | | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 | (1) Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; (2) Cơ quan thuế (nếu có). | |
| 27 | | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |
| II | Thủ tục hành chính cấp xã | | | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH MỐI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|--|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 1 | | Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |
| 2 | | Chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển hình thức sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |
| 3 | | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|---|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 4 | | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |
| 5 | | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. | |
| 6 | | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, (nếu có) | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH MỜI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|--|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 7 | | Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, (nếu có) | |
| 8 | | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo ủy quyền. - Cơ quan, người trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, và các cơ quan chuyên môn liên quan (nếu có) | |
| 9 | | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, (nếu có) | |

| A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH MỜI BAN HÀNH | | | | |
|--|----------------|--|---|----------------|
| ST T | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện | Ghi chú |
| 10 | | Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, (nếu có) | |
| 11 | | Đăng ký, cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với giấy chứng nhận đã cấp | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Cơ quan phối hợp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan thuế, (nếu có) | |

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| B. | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | | |
|------------|--|---|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| I | CẤP TỈNH | | | |
| 1 | 1.013994 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 2 | 1.013993 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 3 | 1.013995 | Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 4 | 1.013992 | Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 5 | 1.013988 | Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. | | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | |
|-----|------------|---|--|---------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 6 | 1.013980 | <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p> | <p>Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> | |
| 7 | 1.013977 | <p>Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu</p> | <p>Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> | |

| B. | | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | |
|------------|-------------------|---|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 8 | 1.013947 | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 9 | 1.013946 | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 10 | 1.013945 | Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 11 | 1.013833 | Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 12 | 1.013826 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. | | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | |
|------------|-------------------|---|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 13 | 1.013831 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 14 | 1.013827 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa. | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 15 | 1.013823 | Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 16 | 1.013825 | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | | | |
|---|-------------------|--|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 17 | 1.012821 | Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 18 | 1.012791 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 19 | 1.012787 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 20 | 1.012786 | Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 21 | 1.012785 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. | | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | |
|------------|-------------------|--|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 22 | 1.012784 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 23 | 1.012793 | Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 24 | 1.012790 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 25 | 1.012783 | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 26 | 1.012782 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 27 | 1.012781 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | | | |
|---|-------------------|---|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 28 | 1.012766 | Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 29 | 1.012756 | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| II CẤP XÃ | | | | |
| 1 | 1.013979 | Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 2 | 1.013978 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 3 | 1.013965 | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. | | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | |
|------------|-------------------|---|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 4 | 1.013962 | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 5 | 1.013950 | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 6 | 1.013949 | Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. | | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | |
|------------|-------------------|--|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 7 | 1.013953 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 8 | 1.013952 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư. | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 9 | 1.012818 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 10 | 1.012817 | Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 11 | 1.012796 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |

| B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ | | | | |
|---|-------------------|--|--|----------------|
| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Ghi chú |
| 12 | 1.012753 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |
| 13 | 1.014275 | Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. | Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quyết định số 445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. | |